

Chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trực tiếp sang các nước ASEAN

Vũ Thị Minh Ngọc

Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: ngocmvt@gmail.com

Ngày nhận: 8/8/2016

Ngày nhận bản sửa: 15/9/2016

Ngày duyệt đăng: 5/10/2016

Tóm tắt:

Chính phủ nước chủ đầu tư có nhiều ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp. Nhằm hỗ trợ cho hoạt động của doanh nghiệp tại ASEAN, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư sang ASEAN, đặc biệt tại khu vực Tam giác phát triển Việt Nam – Lào - Campuchia trên nhiều lĩnh vực như về tín dụng, cơ chế quản lý ngoại hối, chính sách xúc tiến đầu tư thông qua kênh ODA hoặc các kênh xúc tiến khác. Tuy nhiên, hệ thống chính sách hỗ trợ doanh nghiệp còn chưa đầy đủ, các doanh nghiệp chưa nhận được nhiều hỗ trợ từ phía Nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Do vậy, việc hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ OFDI là cần thiết trong bối cảnh thành lập AEC, với mục tiêu nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư kinh doanh tại thị trường nước ngoài, qua đó, làm tăng hiệu quả hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới.

Từ khóa: đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, khu vực ASEAN, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), doanh nghiệp Việt Nam, chính sách hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài.

Support Policy for OFDI of Vietnamese enterprises in ASEAN

Abstract:

The home government has various impacts on enterprises' direct investment abroad. To promote investment activities of enterprises in the ASEAN market, the Vietnam government has many activities to support businesses, especially enterprises who invest in the development triangle area Vietnam - Laos - Cambodia, in various fields such as credit policy, mechanism of foreign exchange management, investment promotion through ODA or other channel of promotion. However, the mechanisms and policies to support enterprises is still incomplete; the business, especially the small and medium enterprises (SME) has not received much support from the state. Therefore, the complete system of support policy for OFDI is necessary in the context of the establishment of the AEC, in order to improve the competitiveness of Vietnam enterprises when doing business in foreign markets and to enhance integration of Vietnam into the world economy.

Keywords: Outward Foreign Direct Investment, ASEAN area, the ASEAN Economic Community (AEC), Vietnam enterprises, Support Policy for OFDI.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp Việt Nam sang khu vực ASEAN được thực hiện từ năm 1992 với các dự án đầu tư sang Lào, Singapore. Từ đó cho đến nay, khu vực ASEAN luôn là địa điểm đầu tư chiến lược của các doanh nghiệp Việt

Nam. Khu vực ASEAN luôn chiếm khoảng 50% tổng vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam. Để đạt được kết quả đó, liệu có sự tác động hỗ trợ từ phía Chính phủ Việt Nam hay không? Các loại hình hỗ trợ này bao gồm những gì, và thường cung cấp cho đối tượng doanh

ng nghiệp nào? Hình thức hỗ trợ nào có tác động thúc đẩy đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam? Trong các hình thức hỗ trợ này, đâu là các hình thức quan trọng nhất mà Chính phủ phải thực hiện ngay để đảm bảo hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp nước nhà có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp đến từ các nước ASEAN khác trong bối cảnh luồng vốn được tự do di chuyển khi AEC được thành lập?

2. Khung lý thuyết

Bài viết dựa trên cơ sở lý thuyết thể chế, trong đó cho thấy các chính sách của chính phủ có thể định hình hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (OFDI) thông qua các luật và quy định, cũng như thông qua các biện pháp hỗ trợ như cung cấp tài chính dễ dàng và đàm phán các điều kiện thuận lợi với các chính phủ nước ngoài (Marinova & cộng sự, 2012).

Khi nghiên cứu thực nghiệm về tự do chính sách OFDI tại một số thị trường mới nổi Marinova & cộng sự (2012) đã phát hiện ra rằng, nhà nước chính là người tạo ra các doanh nghiệp thể chế chính trong việc phát triển hệ thống OFDI. Đơn giản hơn, nhà nước và các tổ chức của nhà nước đóng một vai trò then chốt trong việc thúc đẩy OFDI. Do đó, sự phát triển của OFDI phụ thuộc khá nhiều vào mức độ phù hợp của các chính sách nhà nước trong việc hỗ trợ hoạt động này.

Sự tồn tại của một hệ thống thể chế cho OFDI là hết sức quan trọng cho việc thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua hai cơ chế can thiệp được xác định một cách rộng rãi. Một là việc kiểm soát và hạn chế, có quyền dừng hoặc không khuyến khích OFDI. Hai là các khuyến khích OFDI khác thông qua các phương tiện như trợ cấp OFDI theo mục tiêu doanh nghiệp, các ngành và các ngành công nghiệp hoặc hợp đồng thỏa thuận của chính phủ và điều kiện thuận lợi cho OFDI ở nước sở tại (Scott, 2002).

Nghiên cứu thực nghiệm của một số nhà kinh tế về tự do và hạn chế OFDI tại một số nước đang phát triển và kinh tế chuyển đổi (Helleiner, 1997, 9; UNCTAD 2005), trong đó mô tả quá trình chuyển đổi các chính sách quản lý từ hạn chế sang dần tự do hóa của nước chủ đầu tư đối với hoạt động OFDI của các doanh nghiệp trong nước. Ở giai đoạn đầu của sự phát triển, có ít chính sách hỗ trợ cụ thể cho OFDI, nhưng nhu cầu này sẽ tăng lên khi các nước dần phát triển. Cho đến nay, có tương đối ít các nền

kinh tế đang phát triển và chuyển đổi đã thông qua một chính sách rõ ràng liên quan đến OFDI, nhưng có những dấu hiệu rằng điều này đang thay đổi. Dựa trên những đánh giá về tác động có thể có của OFDI trong các ngành công nghiệp và các hoạt động khác nhau, một chính phủ có thể thiết kế các chính sách nói chung và cụ thể về OFDI nhằm đảm bảo OFDI có lợi cho nền kinh tế nước mình (WIR, 2006). Khi OFDI phát triển đến mức góp phần làm chuyển đổi cơ cấu của nền kinh tế, các chính phủ cũng cần phải thực hiện chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp và cá nhân tại địa phương, để đảm bảo sự phát triển ổn định và lâu dài trong hoạt động của họ trên thị trường nước ngoài.

Sauvant & Chen (2014) khi nghiên cứu khung pháp lý của Trung Quốc đối với hoạt động OFDI cũng cho thấy, khung pháp lý điều chỉnh từ hạn chế đến tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích OFDI là một yếu tố quyết định tăng OFDI của đất nước này.

Trong Báo cáo đầu tư thế giới năm 2006 UNCTAD tổng kết các kinh nghiệm của các nước đang phát triển và chuyển đổi trên thế giới trong khuyến khích OFDI như: (i) Từng bước dỡ bỏ các rào cản đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; (ii) Xây dựng các công cụ chính sách xúc tiến OFDI; (iii) Thành lập các tổ chức xúc tiến OFDI; (iv) Thực hiện các chính sách hỗ trợ khác; (v) Giảm các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến OFDI; (vi) Tham gia các hiệp ước khu vực quốc tế để tăng đầu tư giữa các nước đang phát triển và chuyển đổi (WIR, 2006).

Các cơ chế khuyến khích có thể được thực hiện nhằm hỗ trợ chung cho tất cả các doanh nghiệp khi thực hiện OFDI, nhưng trong nhiều trường hợp doanh nghiệp nhà nước lại có vẻ được lợi nhiều hơn, đặc biệt là trong quá trình quốc tế hóa thông qua FDI (Sauvant & Chen, 2014). Song, ở nhiều nơi, chính sách hỗ trợ lại được thiết kế để nhằm mục đích phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) (APEC, 2008).

Thúc đẩy đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thông qua việc tăng cường và đa dạng các chính sách hỗ trợ cũng là xu hướng mà chính phủ Việt Nam nên thực hiện để đảm bảo tăng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nước mình khi tham gia các sân chơi khu vực và trên thế giới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả nghiên cứu quá trình quản lý nhà nước đối với hoạt động OFDI từ năm 1999 đến nay để thấy được xu hướng điều chỉnh hệ thống chính sách

pháp luật của Việt Nam theo hướng hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp OFDI, đặc biệt là tại khu vực ASEAN. Bên cạnh đó tác giả cũng tiến hành điều tra một số doanh nghiệp Việt Nam thực hiện đầu tư ra nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trên khu vực ASEAN để nhận biết mức độ hỗ trợ của nhà nước Việt Nam cho các doanh nghiệp khi đầu tư tại địa bàn này, cũng như loại hình doanh nghiệp nhận được nhiều hỗ trợ của Nhà nước, từ đó đưa ra các đề xuất phù hợp để thúc đẩy OFDI của các doanh nghiệp Việt Nam.

Mẫu điều tra bao gồm 50 doanh nghiệp đã thực hiện OFDI. Điều tra trực tiếp cán bộ phụ trách hoạt động OFDI (giám đốc, phó giám đốc phụ trách kinh doanh tại công ty mẹ ở Việt Nam và trong các dự án đầu tư ở nước ngoài). Do điều kiện hạn chế về thời gian và chi phí, cũng như nguồn thông tin và cách thức tiếp cận với doanh nghiệp, đồng thời để đảm bảo sự tin cậy trong thông tin thu thập nên tác giả chỉ thực hiện điều tra đối với một số doanh nghiệp nhất định.

Số phiếu được gửi đi là 50, thu về là 46 phiếu, được thu thập vừa theo hình thức gửi e-mail, vừa theo hình thức trao đổi trực tiếp với người được điều tra. Mẫu 46 doanh nghiệp đảm bảo được tính đại diện, do hiện nay chỉ có khoảng trên 400 doanh nghiệp thực hiện đầu tư ra nước ngoài, như vậy, tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát đạt khoảng 10%.

Về vốn đầu tư, số doanh nghiệp tham gia khảo sát có tổng vốn đầu tư là hơn 6 tỷ USD, chiếm khoảng 30,4% tổng giá trị đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam. Về cơ cấu, có 33 doanh nghiệp đầu tư sang ASEAN trên tổng 46 doanh nghiệp tham gia điều

tra, trong đó có 19 doanh nghiệp nhà nước và 14 doanh nghiệp tư nhân. Về lĩnh vực đầu tư, các doanh nghiệp thực hiện đầu tư đa dạng trên nhiều lĩnh vực, từ sản xuất, đến kinh doanh các dịch vụ đặc thù như: tài chính, ngân hàng, viễn thông, thông tin, giao thông, xây dựng, tư vấn, du lịch....

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Chính sách hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam đối với hoạt động OFDI của doanh nghiệp Việt Nam tại ASEAN

Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc mở rộng các quy định liên quan đến OFDI như: quản lý ngoại hối, các chính sách về thuế, tín dụng, xúc tiến đầu tư...

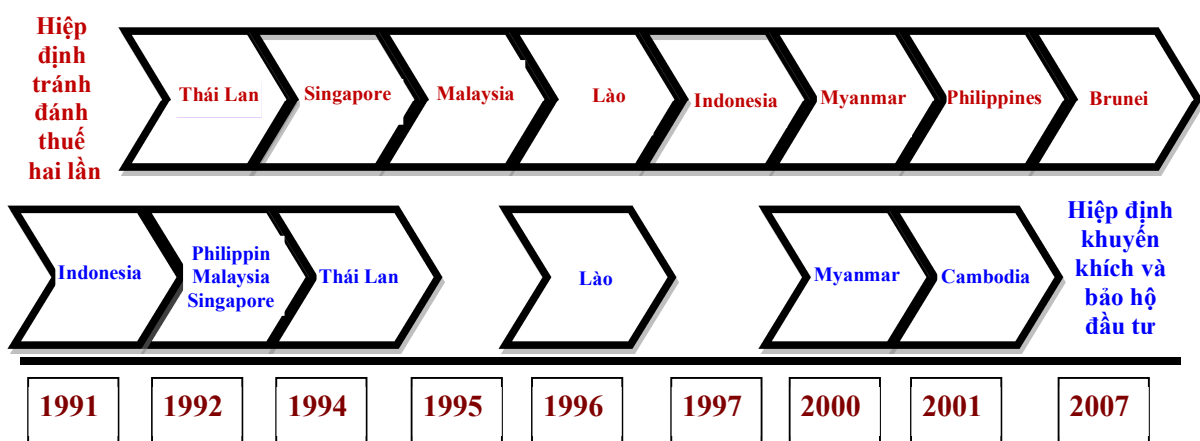
4.1.1. Chính sách quản lý ngoại hối

Từ năm 1998 cho đến nay, các văn bản về quản lý ngoại hối đối với hoạt động OFDI đã được thay đổi theo hướng nới lỏng hơn, trong đó nguồn vay vốn để thực hiện đầu tư ở nước ngoài được mở rộng hơn, bao gồm cả nguồn vốn tự có; nguồn thu từ xuất khẩu; mua hoặc vay (có thể không cần tài sản đảm bảo) và các nguồn khác (lợi nhuận, vốn góp đầu tư đã thanh lý, lãi cho vay). Nhà đầu tư cũng có thể thực hiện chuyển tiền trước khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư

4.1.2. Hợp tác đầu tư ở cấp Chính phủ với các nước ASEAN

- Chính phủ Việt Nam đã ký kết các Hiệp định về đầu tư với các nước ASEAN như: Hiệp định AIA, các Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với từng thành viên trong ASEAN. Chính phủ cũng ký kết nhiều

Hình 1. Hiệp định khuyến khích & bảo hộ đầu tư và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần ký kết giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ hệ thống văn bản chính sách của Việt Nam

Hiệp định hợp tác song phương trên nhiều lĩnh vực khác, nhằm tạo điều kiện cho hoạt động thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN.

Hiện nay, Việt Nam chưa ký Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với Brunei và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Campuchia.

- Chính phủ cũng đã có những động thái hỗ trợ cho dòng vốn tư nhân thông qua các cuộc tiếp xúc song phương và đa phương với chính phủ các nước ASEAN tại các hội nghị như Hội nghị cấp cao ASEAN, Hội nghị thượng đỉnh về Kinh doanh và Đầu tư ASEAN,... và thông qua các chuyến thăm viếng của những lãnh đạo cấp cao Việt Nam đến các nước láng giềng.

- Việc cấp ODA cho Lào và Campuchia cũng tạo điều kiện cho các dự án đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tiếp cận và khai thác thị trường hai thị trường trọng điểm này. Năm 2012, Việt Nam cam kết viện trợ không hoàn lại 105 tỷ đồng cho Lào, tập trung vào các dự án giáo dục – đào tạo, nông lâm nghiệp, thủy lợi, y tế. Một số dự án đầu tư được thực hiện trên cơ sở các Hiệp định hợp tác phát triển giữa Việt Nam và các nước bạn như: các dự án thủy điện, gần đây nhất là dự án Sekong 3 và Sekaman 4 tại Lào do Công ty Cổ phần Điện Việt – Lào, Tập đoàn Sông Đà làm chủ đầu tư; dự án thành lập Bệnh viện Chợ Rẫy - Phnompenh tại Campuchia do Công ty cổ phần Đầu tư Y tế Sài Gòn (MECO) làm chủ đầu tư...

4.1.3. Cung cấp thông tin về thị trường đầu tư ASEAN

Hoạt động này được khá nhiều Bộ, ngành, tổ chức của Việt Nam thực hiện, thông qua việc tổ chức các diễn đàn kinh tế, các buổi gặp mặt, tọa đàm giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp các nước ASEAN; tổ chức khảo sát thị trường các nước tiếp nhận đầu tư; công bố các nghiên cứu về thị trường các nước trên các website hoặc các thông cáo báo chí. Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) là những đơn vị tích cực trong việc cập nhật thông tin về tình hình đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam trên các thị trường, đồng thời đưa ra các khuyến cáo về môi trường đầu tư, sự thay đổi về chính sách đầu tư, tiềm năng và cơ hội đầu tư trong một số ngành, lĩnh vực cụ thể tại các nước bạn. Bên cạnh đó, được sự chấp thuận của Chính phủ Việt Nam, các Hiệp hội nhà đầu tư Việt

Nam đã được thành lập như AVIM, AVIC, AVIL. Các Hiệp hội này là những cầu nối giữa doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam với thị trường các nước ASEAN. Thông qua sự phản hồi từ các Hiệp hội, chính phủ có thể điều chỉnh những quy định đối với hoạt động OFDI, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả và an toàn trên đất bạn.

4.1.4. Hỗ trợ về mặt tín dụng

Bên cạnh các quy định ưu đãi về thuế, quản lý ngoại hối, Chính phủ Việt Nam (2011) cũng đã có ưu đãi tín dụng nhất định đối với các nhà đầu tư khi cung cấp các khoản hỗ trợ sau đầu tư và cho phép có thời gian ân hạn đối với các dự án đầu tư đã đến kỳ trả nợ nhưng chưa có khả năng trả. Theo đó, các dự án OFDI được cấp tín dụng đầu tư ưu đãi thường thực hiện theo quyết định của Thủ tướng chính phủ, tập trung vào những lĩnh vực như: sản xuất điện năng, khai thác muối mỏ, các dự án thăm dò và khai thác dầu khí, các dự án đầu tư tại các tỉnh của Lào, Campuchia có biên giới với Việt Nam theo bản thỏa thuận ký giữa Chính phủ ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia về “Cơ chế ưu đãi đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư khu vực Tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam ngày 26/11/2008”.

Với các dự án đầu tư được cấp tín dụng ưu đãi, chủ đầu tư phải đảm bảo tham gia tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu, phải mua bảo hiểm cho tài sản hình thành từ nguồn vốn vay trong suốt thời gian vay vốn, thực hiện đảm bảo tiền vay. Khi được vay ưu đãi, chủ đầu tư sẽ được vay tối đa 70% tổng vốn đầu tư của dự án, trong thời gian tối đa là 12 năm, với lãi suất không thấp hơn mức lãi suất bình quân các nguồn vốn cộng với phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Ngoài ra, các dự án sẽ được hỗ trợ sau đầu tư trong trường hợp chủ đầu tư vay vốn của các tổ chức tín dụng. Sau khi dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng và đã hoàn trả nợ vay, Nhà nước sẽ hỗ trợ một phần lãi suất với mức hỗ trợ được tính trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất vay vốn đầu tư của các tổ chức tín dụng và lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước. Mức này cũng sẽ được Ngân hàng Phát triển Việt Nam căn cứ trên kết quả trả nợ của chủ đầu tư.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam (2010) cũng cho phép một số dự án đầu tư tại Lào và Campuchia, trong khu vực Tam giác phát triển, có thể được Bộ Tài chính bảo lãnh miễn phí đối với các

khoản vay trong và ngoài nước để thực hiện dự án đầu tư. Với những dự án đặc biệt có quy mô lớn thuộc lĩnh vực quan trọng, Thủ tướng Chính phủ có thể cho phép Ngân hàng Phát triển Việt Nam miễn thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay, nhưng chủ đầu tư phải cam kết sẽ trả đủ nợ vay (bao gồm cả gốc và lãi) của dự án, đồng thời không áp dụng hỗ trợ sau đầu tư.

Tuy vậy, chỉ có một số doanh nghiệp tiếp cận được với các khoản vay này, trong đó, chủ yếu là các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước. Bên cạnh đó, các khoản vay cũng đòi hỏi một số điều kiện nhất định, nên các doanh nghiệp cũng khó khăn trong quá trình giải ngân.

4.1.5. Hỗ trợ về mặt pháp lý và ngoại giao

Các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài được giao trách nhiệm làm đầu mối phối hợp với các cơ quan của Việt Nam ở trong và ngoài nước để: hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc chấp hành các quy định của pháp luật nước sở tại; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư ở nước ngoài, thông qua đường ngoại giao; đề xuất và kiến nghị chính quyền nước sở tại hỗ trợ, tạo điều kiện và tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài.

Tuy vậy, trên thực tế các cơ quan ngoại giao của Việt Nam do chưa có cơ quan chuyên trách, lại hạn chế về nhân lực nên hầu như cũng chưa có tác động mang tính hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đang đầu tư tại nước sở tại. Chính vì vậy, chưa tạo ra được tính chất đầu mối liên lạc giữa các cơ quan quản lý trong nước và các doanh nghiệp OFDI.

Việc ký kết các Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với các nước (tổng cộng với 63 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 8 nước ASEAN) cũng nhằm mục đích, phòng tránh các rủi ro do biến động về kinh tế, chính trị tại các nước tiếp nhận đầu tư, bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của các doanh nghiệp Việt Nam.

4.2. Đánh giá chính sách hỗ trợ OFDI của doanh nghiệp Việt Nam sang ASEAN

Hệ thống chính sách quản lý của Việt Nam về OFDI đã có nhiều sự thay đổi theo hướng mở và được đánh giá là có tính cập nhật với tình hình thực tế (mức điểm bình quân 3,5 trên thang điểm 5 từ mức độ rất kém đến rất tốt theo khảo sát doanh nghiệp OFDI của tác giả), tính kịp thời (bình quân 3,07 điểm). Tuy nhiên, tính đầy đủ của hệ thống chính sách, (đặc biệt là trong các chính sách hỗ trợ

đối với doanh nghiệp OFDI) (2,41 điểm) và tính khoa học (1,96 điểm), cũng như tính dự báo (1,93 điểm) chưa được đánh giá cao. Điều này cho thấy, các chính sách của Việt Nam cần được hoàn thiện hơn nữa nhằm tạo ra động lực, khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

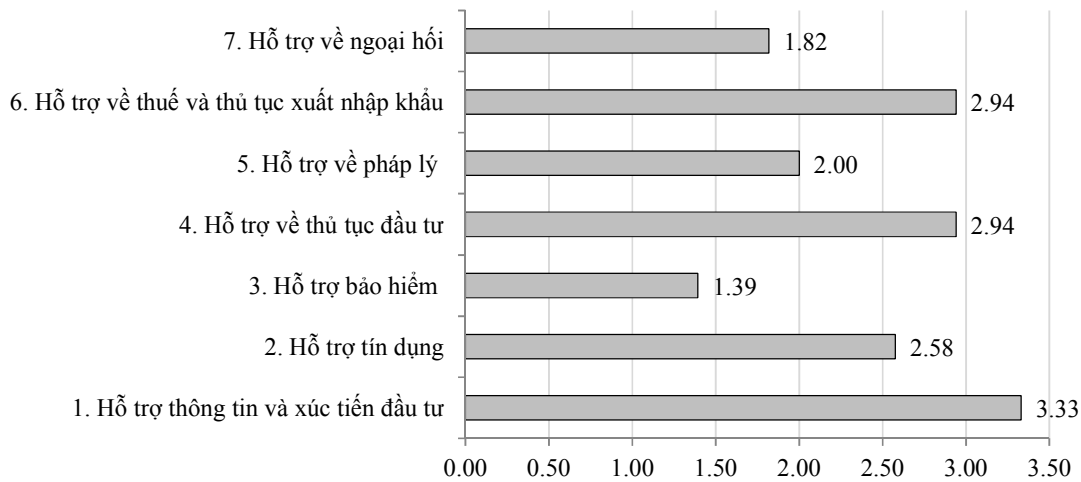
Song, không thể phủ nhận rằng, hệ thống chính sách của Việt Nam đã chuyển dần sang hướng khuyến khích OFDI với nhiều cơ chế mở trong cả hệ thống chính sách về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và các chính sách kinh tế vĩ mô liên quan. Theo đó đối tượng được phép đầu tư được mở rộng, không chỉ bao gồm các doanh nghiệp Nhà nước, mà các doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức kinh tế xã hội có hoạt động kinh tế và các cá nhân đều có quyền thực hiện đầu tư ra nước ngoài. Lĩnh vực đầu tư cũng được mở rộng đối với những ngành khá nhạy cảm như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, truyền hình, bất động sản. Quy định này đảm bảo quyền lợi bình đẳng của tất cả các công dân Việt Nam trước pháp luật.

Các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam có tác động thúc đẩy hoạt động OFDI của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường ASEAN, thường tập trung trong các doanh nghiệp nhà nước hoặc tại một số quốc gia cụ thể như Lào và Campuchia. Nhà nước đã thực hiện một số công cụ hỗ trợ như xúc tiến đầu tư, cung cấp tín dụng đầu tư... Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đều thực hiện thanh tra, giám sát để đảm bảo kịp thời tư vấn, hỗ trợ các nhà đầu tư Việt Nam. Địa bàn chủ yếu là các nước như Lào, Campuchia và tại các dự án quan trọng như thủy điện, khoáng sản, do các doanh nghiệp nhà nước làm chủ đầu tư, nằm trong khuôn khổ hợp tác giữa chính phủ Việt Nam – Lào – Campuchia.

Theo đánh giá khảo sát của tác giả, các doanh nghiệp có dự án đầu tư tại khu vực ASEAN tham gia khảo sát đều nhận được một số các hỗ trợ nhất định, trong đó, các doanh nghiệp đánh giá cao về hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước về mặt thông tin và xúc tiến đầu tư (bình quân đạt ở mức đánh giá 3,33/4 điểm); về thuế và thủ tục xuất nhập khẩu, thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư (bình quân đạt 2,94/4 điểm).

Các doanh nghiệp đầu tư sang ASEAN nhận được sự hỗ trợ về mặt tín dụng, pháp lý và ngoại hối nhưng ở các mức độ khác nhau tùy theo loại hình doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp nhà nước nhận được nhiều hỗ trợ hơn, đặc biệt là hỗ trợ về

Hình 2. Đánh giá của doanh nghiệp đầu tư sang ASEAN về hỗ trợ nhà nước đối với OFDI



Thang điểm từ 1 đến 4, với 1 là hoàn toàn không được hỗ trợ và 4 là được hỗ trợ nhiều

Nguồn: Kết quả khảo sát điều tra doanh nghiệp OFDI của tác giả

ngoại hối, do nhiều dự án OFDI của họ thực hiện các mục tiêu chính trị và theo chương trình hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và các nước ASEAN. Theo kết quả khảo sát có 15,8% doanh nghiệp nhà nước đầu tư sang ASEAN tham gia điều tra trả lời nhận được hỗ trợ vừa phải về ngoại hối, trong khi hơn 60% SME đánh giá ở mức 1. Về mặt tín dụng, 26% doanh nghiệp nhà nước nhận được nhiều hỗ trợ, trong khi chỉ có 23% SME tham gia trả lời tiếp cận được các nguồn tín dụng ưu đãi và nhận hỗ trợ ở mức vừa phải.

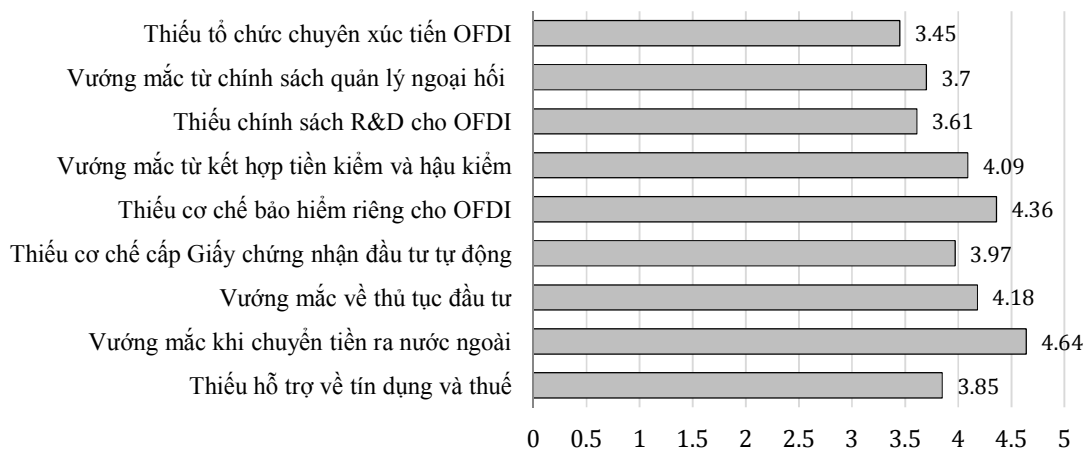
Về hỗ trợ bảo hiểm, hầu hết các doanh nghiệp đầu tư sang ASEAN đều đánh giá là chưa nhận được

hoặc rất ít nhận được sự hỗ trợ về mặt này từ phía nhà nước.

Nhiều hỗ trợ chưa hiệu quả, các công cụ hỗ trợ cũng chưa đa dạng, còn thiếu nhiều hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp khi đầu tư trực tiếp sang ASEAN, như chưa có tổ chức chuyên thực hiện xúc tiến OFDI (nhận được sự đồng ý ở mức 3,45 điểm từ phía các doanh nghiệp đầu tư sang ASEAN), chưa có chính sách R&D cho doanh nghiệp OFDI (3,61 điểm), chưa có hình thức bảo hiểm riêng cho đầu tư ra nước ngoài (4,36 điểm), chưa có cơ chế cấp giấy chứng nhận đầu tư tự động (3,97 điểm).

Phần lớn các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp sang

Hình 3. Vướng mắc về chính sách đối với OFDI của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sang ASEAN



Thang điểm từ 1 đến 5, với 1 là hoàn toàn không đồng ý, và 5 là hoàn toàn đồng ý

Nguồn: Kết quả khảo sát điều tra doanh nghiệp OFDI của tác giả

ASEAN, đặc biệt là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đều tự làm xúc tiến và tự giải quyết các vấn đề pháp lý, cũng như vướng mắc trong việc chuyển tiền ra nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp tham gia vào các Hiệp hội nhà đầu tư Việt Nam ở Lào, Campuchia, Myanmar để nhận được sự tương trợ khi cần thiết, song hoạt động của các Hiệp hội vẫn dựa trên tinh thần tự nguyện là chủ yếu, chưa được nhìn nhận dưới hình thức một kênh xúc tiến đầu tư ra nước ngoài. Nhà nước nên có cơ chế hỗ trợ các Hiệp hội theo hình thức một tổ chức chuyên trợ giúp nhà nước trong hoạt động xúc tiến đầu tư và phục vụ cho công tác quản lý hoạt động OFDI của các doanh nghiệp Việt Nam.

Các vướng mắc trên cho thấy, so với thế giới, Việt Nam vẫn đang đứng ở mức ranh giới giữa hạn chế và khuyến khích OFDI. Sự thiếu hụt nhiều cơ chế chính sách sẽ khiến các doanh nghiệp Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện đầu tư ra nước ngoài, kể cả trên địa bàn được khuyến khích đầu tư như ASEAN, nơi mà Việt Nam đã có những ưu đãi riêng để hỗ trợ cho các doanh nghiệp khi đầu tư trong khu vực này.

5. Kết luận và khuyến nghị

Chính sách hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam trong những năm qua đã có những diễn biến theo hướng nói lỏng dần các hạn chế và rào cản, tăng các hình thức hỗ trợ cho hoạt động OFDI. Nhà nước cũng có những biện pháp tích cực như xúc tiến đầu tư, cải cách chế độ thuế, thủ tục đầu tư để thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài, đặc biệt là tại thị trường trọng điểm như ASEAN. Song, hệ thống hỗ trợ của Việt Nam chưa đầy đủ, hỗ trợ phần lớn tập trung đối với một số doanh nghiệp cụ thể (chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước, đầu tư theo các dự án hợp tác của Nhà nước, trên các địa bàn trọng điểm như tại các địa phương nằm trong Tam giác phát triển Lào– Campuchia– Việt Nam) nên kết quả hỗ trợ không cao và vẫn gây ra nhiều vướng mắc đối với doanh nghiệp. Công tác hỗ trợ từ các đại diện thương vụ ở nước ngoài cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư Việt Nam. Một số đại diện thương vụ chưa thực sự nắm rõ số lượng các nhà đầu tư Việt Nam tại các nước sở tại, không nắm rõ các khó khăn mà các nhà đầu tư gặp phải nên chưa thể trợ giúp các doanh nghiệp giải quyết các vấn đề khúc mắc về vấn đề pháp lý, cũng như thay mặt các nhà đầu tư kiến nghị lên cơ quan quản lý nước sở tại để có những điều chỉnh hợp lý về chính sách.

Việc hỗ trợ thông tin nhằm xúc tiến đầu tư cũng mới chỉ dừng lại ở việc đưa tin tại một số website của các Bộ chuyên ngành, hoặc của các tổ chức như VCCI. Tuy nhiên, các thông tin này cũng chỉ chung chung, chưa thực sự có nhiều thông tin phân tích, đánh giá, định hướng chuyên sâu về các cơ hội đầu tư tại từng nước, cũng như các thách thức mà nhà đầu tư cần lưu tâm khi thực hiện đầu tư tại các quốc gia này. Các thông tin mà các bộ, ngành cung cấp cũng thường giống nhau, lấy nguồn tin của nhau nên sự đa dạng về thông tin là chưa nhiều. Nguồn tin từ các cơ quan ngoại giao, đại diện thương vụ ở nước ngoài còn hạn chế do sự phối hợp thông tin chưa tốt ở các bộ, ngành liên quan. Có nguyên nhân này là do chưa thực sự có một đầu mối thông tin, chuyên trách về xúc tiến đầu tư ra nước ngoài. Còn thiếu các cơ chế hỗ trợ về bảo hiểm rủi ro đối với đầu tư ra nước ngoài. Việc chuyển tiền ra nước ngoài cũng gặp khó khăn từ cơ chế quản lý ngoại hối khá chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước

Do vậy, Nhà nước Việt Nam cần thực hiện đa dạng các hình thức hỗ trợ và công bằng hơn trong hoạt động hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Cần tăng cường sử dụng một số biện pháp hỗ trợ hữu hiệu trên một số thị trường cụ thể trong điều kiện cho phép. Hoàn thiện các công cụ hỗ trợ OFDI theo hướng khuyến khích và tự do hóa là góp phần giúp doanh nghiệp Việt Nam hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và của nền kinh tế Việt Nam. Hiện nay, đối với các doanh nghiệp tư nhân, cần thực hiện nhiều hơn nữa cơ chế đầu tư thông thoáng, giảm thiểu các hạn chế, đặc biệt là về các thủ tục quản lý ngoại hối, tăng cường các biện pháp hỗ trợ về mặt pháp lý và ngoại giao, thành lập các tổ chức xúc tiến đầu tư, bảo hiểm đầu tư nhằm trợ giúp các doanh nghiệp phòng tránh rủi ro khi đầu tư tại nước ngoài. Bên cạnh đó, hoàn thiện hệ thống thông tin quốc gia về OFDI, tích cực sử dụng hệ thống thông tin trong cải cách thủ tục một cửa điện tử về cấp giấy chứng nhận đầu tư và giám sát OFDI sẽ vừa giúp cho nhà nước quản lý được hoạt động của các doanh nghiệp OFDI, vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tìm kiếm và trao đổi thông tin tốt hơn với cơ quan quản lý.

Những biện pháp hỗ trợ kể trên là cần thiết để thúc đẩy hoạt động OFDI của các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là sang khu vực tiềm năng ASEAN trong bối cảnh AEC đã hình thành. □

Tài liệu tham khảo

- APEC(2008), *KOTRA's Overseas Investment Support Services for SME's*, APEC, 26th Small and Medium Enterprises Working Group Meeting Kaohsiung, Chinese Taipei, April, 2nd – 4th 2008.
- Chính phủ Việt Nam (2011), *Nghị định số 75/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước*, ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2011.
- Helleiner, G.K. (1997), 'Capital Account Regimes and the Developing Countries', in *International Monetary and Financial Issues for the 1990s, Volume VIII*, UNCTAD, New York and Geneva.
- Marinova, S., Child, J. & Marinov, M. (2012), 'Institutional field for outward foreign direct investment: A theoretical extension?' *Advance in International Management, Institutional Theory in International Business and Management*, 25, 233-261.
- Sauvant, K.P. & Chen, V.Z (2014), 'China's Regulatory Framework for Outward Foreign Direct Investment', *China Economic Journal*, 7(1), 141-163.
- Scott, W.R. (2002), 'The changing world of Chinese enterprise: An institutional perspective', in Tsui, A.S. & Lau, C.M. (eds), *The management of enterprises in the People's Republic of China*, Kluwer Academic Publishers, London, 59–78.
- Thủ tướng Chính phủ Việt Nam (2010), *Quyết định số 482/QĐ-TTg ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại vùng biên giới Việt Nam – Lào và Việt Nam – Campuchia*, ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2010.
- UNCTAD (2005), *Economic Development in Africa: Rethinking the Role of Foreign Direct Investment*, United Nations Conference on Trade and Development, Geneva.
- World Investment Report [WIR] (2006), *FDI from developing countries and transition economies: implications for development*, UNCTAD, New York and Geneva.